

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/DS - ST.

Ngày: 30-3-2021.

“V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự góp hụi”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xương;
2. Bà Lê Thị Diễm Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không.

Trong các ngày 23 và 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng dân sự góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số 842/10, ấp S, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Châu Thị B, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2020, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Thị M trình bày:

Bà Châu Thị B có tổ chức góp hụi, bà M là hụi viên có tham gia 01 dãy hụi

như sau:

Hội tháng 2.000.000đồng, mở ngày 28/6/2012 à, có 15 phần, bà tham gia 01 phần, đóng hội sống đầy đủ lần đến lần khai thứ 15 bà M hốt được số tiền 28.000.000đồng, bà B không giao tiền cho bà M, đến ngày 16/3/2020 bà B trả được 2.000.000đồng, còn lại 26.000.000đồng, bà đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà B không trả.

Sau khi tiến hành hòa giải các bên đối chiếu nợ lại do có liên quan đến các dây hội khác, bà B và bà M thống nhất, bà Bình thừa nhận còn nợ bà M 20.000.000đồng. Nay bà Trần Thị M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng buộc bà Châu Thị B có trách nhiệm trả lại bà số tiền hội còn thiếu là 20.000.000đồng, bà không yêu cầu lãi suất. Bà xin rút lại phần 6.000.000đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 04/01/2021 và tại phiên tòa bị đơn bà Châu Thị B trình bày:

Bà thừa nhận trong quá trình bà làm đầu thảo hội bà có nợ bà M số tiền là 20.000.000đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn bà xin trả mỗi vụ lúa là 2.000.000đồng, mỗi năm trả 03 vụ là 6.000.000đồng. Bà M không đồng ý, bà yêu cầu trả dứt nợ một lần trong tháng nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể là về thời gian trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà M đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu buộc bà B trả cho bà số tiền hội là 6.000.000đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu buộc bà Châu Thị B thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ hội là 20.000.000đồng, bà không yêu cầu lãi suất. Phía bị đơn đã thừa nhận toàn bộ số nợ và đồng ý trả toàn bộ số nợ này mỗi vụ lúa là 2.000.000đồng, mỗi năm 03 vụ là 6.000.000đồng, bà M không đồng ý, bà yêu cầu trả dứt trong tháng nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể là thời gian trả nợ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh. Hội đồng xét xử công nhận tình tiết trên là sự thật và xác định đây là hợp đồng dân sự góp hội theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đây là hội đầu thảo và có lãi bà B đã vi phạm hợp đồng. Vi phạm nghĩa vụ của **chủ hội** nên cần buộc bà B phải có nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà M theo quy định tại **khoản 1 Điều 27** Nghị định 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường. Do đó nguyên đơn

yêu cầu buộc bị đơn có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ trên cho nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Bà M không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với số tiền 6.000.000đồng bà M đã rút đơn khởi kiện thì bà có quyền khởi kiện lại theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí DSST:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do bà B là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ **khoản 1, Điều 27** Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ: Về họ, hui, biểu, phường;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M.

Buộc bà Châu Thị B có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị M số tiền hụi còn nợ là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng). Bà M không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Trần Thị M có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Châu Thị B phải trả số tiền lãi suất cho bà Trần Thị M theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Đình chỉ xét xử đối với phần khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền hui là 6.000.000đồng. Bà M có quyền khởi kiện lại theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Châu Thị B thuộc trường hợp được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Trần Thị M không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 650.000đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006667 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đương sự;
- Lưu.

TRẦN THANH BÌNH